

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2019

V/v: Ly hôn giữa

Chị P và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đỗ Duy Toán

Bà: Đặng Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hồng – Thư ký TAND huyện Nam Trực.

- Đại diện VKSND huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P – sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa chị P có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2018 được bổ sung tại bản tự khai ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần thị P và anh Phạm Ngọc T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 02/10/2001. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh có quan hệ với phụ nữ khác không chung thủy với chị. Chị theo anh lên

Hà nội làm ăn nhằm hàn gắn tình cảm nhưng anh T không thay đổi vẫn chơi bời và không chung thủy với chị. Đã nhiều lần anh chị ly thân song vì con cái chị lại về chung sống với anh. Mỗi lần quay về chung sống chị đều khuyên can anh nhưng anh không nghe mà còn đánh chửi chị. Năm 2012 chị về hẳn nhà mẹ đẻ ở. Anh chị sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh Tân có 2 con chung là Phạm Ngọc T sinh ngày 02/6/2002 và Phạm Văn T sinh ngày 23/10/2010. Hiện hai con đang ở với anh T. Khi ly hôn chị nhường quyền nuôi cả hai con cho anh T vì anh T đem cả hai con đi cùng anh làm ăn không cho chị biết chỗ và gặp con, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con cho anh theo pháp luật.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Bà Mai Thị H là mẹ đẻ anh T cung cấp chị P và anh T kết hôn năm 2001 tại UBND xã N. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2012 không rõ lý do gì chị P bỏ nhà bà về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Anh chị ấy có 2 con chung là Phạm Ngọc T sinh ngày 02/6/2002 và Phạm Văn T sinh ngày 23/10/2010. Hiện hai con đang ở với anh T. Anh T khi thoảng vẫn đi về nhà bà còn ở Hà Nội anh ở đâu bà không rõ. Anh T đã biết việc chị P xin ly hôn. UBND xã N cũng xác nhận anh T vẫn thường đi về nhà mẹ là bà H ở C, xã N nhưng thời gian đi về thế nào xã không nắm được. Các con anh T cũng đi theo với anh T, không học tại xã N. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng liên quan theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự và đề nghị giải quyết cho chị P ly hôn anh T. Con chung giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị P cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Án phí chị P nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng liên quan theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Chị Trần Thị P và anh Phạm Ngọc T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận khoảng đến năm 2012 anh chị mâu thuẫn do chị cho rằng anh có quan hệ với phụ nữ khác, không chung thủy với chị, quan hệ tình cảm hai bên không

khắc phục được, anh chị ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét cuộc hôn nhân khó tồn tại được. Do vậy chị P xin ly hôn anh T sẽ được Tòa án chấp nhận.

[3]. Về con chung: các con đang ở với anh T, anh T cố tình giấu địa chỉ, chị P cũng không biết anh ở đâu và không liên hệ được với các con, Tòa án cũng không lấy được ý kiến của các con anh T cho nên tiếp tục giao Phạm Ngọc T sinh ngày 02/6/2002 và Phạm Văn T sinh ngày 23/10/2010 cho anh T nuôi dưỡng. Chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 01 triệu đồng cho mỗi con kể từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Phạm Ngọc T.

2. Con chung: Giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc T sinh ngày 02/6/2002 và Phạm Văn T sinh ngày 23/10/2010. Chị P có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi con 01 triệu đồng mỗi tháng kể từ tháng 3/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: chị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu tiền số: 0002136 ngày 17 tháng 12 năm 2018.

Báo cho chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã ;
- Lưu HS + VP.

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh